

Bản án số: **87/2025/DS-ST**.

Ngày: 11/9/2025.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Vân;

2. Bà Phạm Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 38/2025/TLST-DS về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” ngày 01 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: **Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

Bị đơn:

Bà **Đinh Thị Tuyết S**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: **Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre nay là T, tỉnh Vĩnh Long.**

Tại phiên toà, nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2025, bản tự khai, các biên bản hoà giải, quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 02/12/2014, tôi có cho bà **Đinh Thị Tuyết S** vay số tiền 20.000.000đồng. Khi vay tiền thì giữa tôi và bà **S** có viết giấy tay vay tiền. Khi viết giấy tay xong thì tôi giao đủ số tiền 20.000.000đồng cho bà **S**. Quá trình vay tiền thì bà **S** không đóng lãi cho tôi. Tôi có nhiều lần yêu cầu bà **S** trả tiền cho tôi nhưng bà **S** không trả.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà **Đinh Thị Tuyết S** trả cho tôi số tiền 20.000.000đồng. Tôi không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên toà, bà **Đinh Thị Tuyết S** trình bày:

Tôi thừa nhận vào ngày 01/12/2014 tôi có vay của bà **P** số tiền 20.000.000đồng. Số tiền này là bà **P** hứa cho tôi vay khi tôi vay tiền dùm bà **P** tại ngân hàng. Sau khi vay tiền thì tôi có trả cho bà **P** hàng tháng có khi 500.000đồng, có khi 1.000.000đồng nhưng không có làm giấy tờ và tôi cũng không nhớ là trả cho bà **P** được tổng cộng bao nhiêu tiền. Nay bà **Phấn khởi K** thì tôi cũng đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện viện kiểm sát nhân Khu vực 8 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Toà án thu thập. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày, quá trình xét hỏi, kết quả tranh luận, nghị án và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà **Nguyễn Thị Phấn khởi K** tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà **Đinh Thị Tuyết S**. Quan hệ tranh chấp này được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua vay sản của bà **Đinh Thị Tuyết S**, Hội đồng xét xử xét thấy giấy tay vay tiền giữa bà **P** và bà **S** lập ngày 02/12/2024. Quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm Toà án ra quyết định về vụ án thì không có đương sự nào yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu đối với vụ án này.

Về thẩm quyền theo lãnh thổ, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng thì có cơ sở xác định bà **Đinh Thị Tuyết S** có nơi cư trú tại **xã T, tỉnh Vĩnh Long**. Tòa án nhân Khu vực 8 - Vĩnh Long căn cứ vào các quy định tại Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/8/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 01/TB-TA ngày 26/8/2025 cho bà **S** là đảm bảo quyền được tiếp cận tài liệu,

chứng cứ của bị đơn. Tuy nhiên, đến thời điểm chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, các đương sự vẫn không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã công khai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về phạm vi giải quyết vụ án, căn cứ theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hồ sơ vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xét xử các nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện nào khác.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng vay tài sản ngày 02/12/2014 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và lời khai, lời trình bày của các bên đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long thì bà **Đinh Thị Tuyết S** thừa nhận có vay của bà **Nguyễn Thị P** số tiền 20.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà **S** không có ý kiến phản đối đối với giấy vay tiền ngày 02/12/2025 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xác định giữa bà **Nguyễn Thị P** và bà **Đinh Thị Tuyết S** có lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 02/12/2014 và bà **P** đã giao đủ số tiền 20.000.000đồng cho bà **S**.

Quá trình giải quyết vụ án, bà **S** cho rằng có trả được một phần tiền cho bà **P** nhưng không nhớ là bao nhiêu. Tại phiên tòa, bà **P** không đồng ý với lời trình bày này của bà **S**. Đồng thời, bà **S** xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà **P** không đồng ý nên không có căn cứ để xem xét các lời trình bày này của bà **Đinh Thị Tuyết S**.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bà **Đinh Thị Tuyết S** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị P** số tiền 20.000.000đồng. Ghi nhận bà **Nguyễn Thị P** không yêu cầu tính lãi đối với bà **Đinh Thị Tuyết S**.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ và nguyên đơn là người cao tuổi nên không phải nộp tạm ứng án phí và không phải hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà **Đinh Thị Tuyết S** phải nộp số tiền 20.000.000đồng x 5% = 1.000.000đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện **Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8** – Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 26, 39, 40, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 275, 280, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị P.**

2. Buộc bà **Đinh Thị Tuyết S** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị P** số tiền là 20.000.000(Hai mươi triệu)đồng. Ghi nhận bà **Nguyễn Thị P** không yêu cầu tính lãi đối với bà **Đinh Thị Tuyết S**.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà **Đinh Thị Tuyết S** phải nộp số tiền 1.000.000(Một triệu)đồng.

Bà **Nguyễn Thị P** là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long.
- TAND Khu vực 8 – Vĩnh Long.
- Chi cục THADS Khu vực 8 – Vĩnh Long.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Lợi Nguyễn Hồng Dân

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Đặng Hoàng Mích Lê Văn Đạo

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Kim Lan Nguyễn Thị Bé Em

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Thi